

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dây nổ chịu nước**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dây nổ chịu nước.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Dây nổ chịu nước”. Ký hiệu QCVN 04:2015/BCT.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Hoàng Quốc Vượng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 04:2015/BCT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DÂY NỔ CHỊU NƯỚC**

National technical regulation on water resistance detonating cords

HÀ NỘI- 2015

Lời nói đầu

QCVN 04:2015/BCT do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vật liệu nổ công nghiệp biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Công Thương ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ DÂY NỔ CHỊU NƯỚC

National technical regulation on water resistance detonating cords

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định về yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử và các quy định về quản lý đối với dây nổ chịu nước loại 10 g/m và 12 g/m sản xuất trong nước, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan tới dây nổ chịu nước trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

1.3. Giải thích từ ngữ

1.3.1. *Dây nổ* là một loại phụ kiện nổ gồm lõi thuốc nổ mạnh bao quanh bằng các lớp sợi tết có phủ lớp nhựa tổng hợp ngoài cùng. Dây nổ dùng để truyền sóng nổ để kích nổ trực tiếp các lượng thuốc nổ có độ nhạy cao.

1.3.2. *Phụ kiện nổ* là các loại kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mìn nổ, các vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo kích thích ban đầu để làm nổ khối thuốc nổ hoặc các loại thiết bị chuyên dụng có chứa thuốc nổ.

1.3.3. *Dây nổ chịu nước* là dây nổ sử dụng được trong môi trường nước.

1.3.4. *Lô sản phẩm* là số lượng sản phẩm có chất lượng đạt yêu cầu theo quy định và được sản xuất trong một ca hoặc một đợt sản xuất hoặc một khoảng thời gian xác định, từ cùng một nguồn nguyên liệu giống nhau về chỉ tiêu kỹ thuật.

1.3.5. *Lô hàng nhập khẩu* là tập hợp một chủng loại hàng hóa được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

1.4. Tài liệu viện dẫn

1.4.1. QCVN 02:2008/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

1.4.2. QCVN 01:2012/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp.

1.5. Quy định về lô sản phẩm và mẫu thử nghiệm

1.5.1. Quy định về lô sản phẩm: Số lượng dây nổ của một lô sản phẩm theo quy định của nhà sản xuất.

1.5.2. Quy định số lượng sản phẩm định kỳ lấy mẫu kiểm tra tại phòng thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định: Tuân theo quy định tại Phụ lục 2, QCVN 01:2012/BCT.

1.5.3. Mẫu thử nghiệm định kỳ là mẫu lấy ngẫu nhiên trong các lô sản phẩm.

2. Quy định kỹ thuật

2.1. Chỉ tiêu kỹ thuật

Bảng 1- Chỉ tiêu kỹ thuật của Dây nổ chịu nước

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu kỹ thuật	Phương pháp thử
1	Đường kính ngoài, mm	Loại dây nổ 10 g/m: $4,8 \pm 0,3$ Loại dây nổ 12 g/m: $5,8 \pm 0,3$	Theo quy định tại Mục 3.1
2	Mật độ thuốc trong dây nổ, g/m	Loại dây nổ 10 g/m: 10 ± 1 Loại dây nổ 12 g/m: 12 ± 1	Theo quy định tại Mục 3.2
3	Tốc độ nổ, m/s	Không nhỏ hơn 6.500	Theo quy định tại Mục 3.3
4	Khả năng kích nổ	Kích nổ hoàn toàn thời thuốc nổ AD1 khối lượng 200 g	Theo quy định tại Mục 3.4
5	Khả năng chịu lực kéo	Chịu được lực kéo 50 kg trong thời gian 10 phút	Theo quy định tại Mục 3.5
6	Khả năng chịu nước, giờ	24 giờ, ở độ sâu 1 m	Theo quy định tại Mục 3.6
7	Khả năng chịu nhiệt độ cao	Chịu được nhiệt độ $+52^{\circ}\text{C}$ đến $+55^{\circ}\text{C}$ trong thời gian 6 giờ	Theo quy định tại Mục 3.7
8	Khả năng chịu nhiệt độ thấp	Chịu được nhiệt độ -32°C đến -38°C trong thời gian 2 giờ	Theo quy định tại Mục 3.8
9	Thời hạn đảm bảo, tháng	48	

2.2. Bao gói, ghi nhãn

2.2.1. Bao gói

2.2.1.1. Dây nổ được cuộn thành từng cuộn, mỗi cuộn dài 50 m hoặc rulô dài 200 m. Trong mỗi cuộn 50 m có nhiều nhất là 2 đoạn, chiều dài của đoạn ngắn nhất không nhỏ hơn 10 m. Trong mỗi rulô 200 m có nhiều nhất là 4 đoạn, chiều dài của đoạn ngắn nhất không nhỏ hơn 10 m. Các đầu dây của mỗi đoạn dây nổ được lắp chụp phòng ẩm hoặc nhúng chất chống ẩm.

2.2.1.2. Mỗi cuộn dây nổ được cho vào 01 túi PE buộc chặt. 10 túi PE chứa dây nổ (500 mét dây nổ) được bảo quản trong 01 thùng cacton.

Đối với rulô 200 m được cho vào túi PE buộc chặt, 02 túi PE (400 mét dây nổ) được bảo quản trong 01 thùng cacton.

2.2.2. Ghi nhãn

Ghi nhãn trên phiếu đóng thùng và trên bao gói của thùng chứa đựng sản phẩm thực hiện theo các quy định tại Phụ lục A của QCVN 02:2008/BCT và Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.